

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/07/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG - TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Hồng Thủy và ông Đỗ Quốc Kỳ;

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Đạt - Thư ký Tòa án;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Ngày 18 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/06/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Mai L**, sinh năm 1999 (*Vắng mặt có lý do*);

Bị đơn: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1990 (*Vắng mặt không có lý do*);

Cùng cư trú tại: Xóm Bải Bệ I, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa ngày hôm nay theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị Bùi Mai L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn L, sinh ngày 10/11/1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình ngày 18/05/2018. Sau khi kết hôn tôi có chuyển hộ khẩu về gia đình chồng sinh sống tại xóm Bải Bệ I, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn và chung sống cùng nhau vợ chồng tôi hạnh phúc được hai năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống do anh L là người hay rượu chè không chịu khó làm ăn kinh tế, không quan tâm chăm sóc con cái và gia đình. Vợ chồng tôi rất nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không mang lại kết quả gì, anh L không chịu thay đổi. Hiện nay anh L đi làm ăn rất ít khi về thăm gia đình và không gửi tiền về để chăm lo cuộc sống cũng như việc học hành của con cái. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay, tôi đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, tôi thấy tình cảm vợ chồng nay không còn cuộc sống hôn nhân rạn nứt cũng không thể hàn gắn được nữa. Nay tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn L

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 (*Một*) con chung tên là Bùi Thảo V, sinh ngày 16/09/2016. Khi ly hôn tôi nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục cháu V. Hiện tại tôi đang làm tại một cửa hàng ở thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân hàng tháng của tôi khoảng 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*). Sau khi ly hôn tôi chưa yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Bùi Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các các văn bản tố tụng “*Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa*” nhưng không có kết quả, anh L vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

** Tại biên bản xác minh ngày 10/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại Công an xã Dũng Phong, chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình anh Bùi Văn L với nội dung:*

Chị Bùi Mai L và anh Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, ngày 18/05/2018. Sau khi kết hôn chị L có chuyển hộ khẩu về gia đình nhà anh L có địa chỉ tại xóm Bãi Bệ I, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Sau một thời gian chung sống cùng nhau thì vợ chồng chị L và anh L phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng vẫn đi lại để thăm con và gửi tiền cho bố mẹ chồng để nuôi con. Anh L đi làm ăn xa, thường xuyên đi vắng khỏi địa phương thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi, mỗi lần anh L về nhưng không khai báo với chính quyền địa phương đi đâu làm gì, anh L giấu diếm địa chỉ. Đến nay hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

Chị Bùi Mai L và anh Bùi Văn L có 01 (*Một*) con chung tên là Bùi Thảo V, sinh ngày 16/09/2016. Hiện cháu V đang sinh sống cùng ông bà nội, cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

- Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Mai L xin ly hôn với anh Bùi Văn L. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về phần con chung: Giao cháu Bùi Thảo V, sinh ngày 16/09/2016 cho chị Bùi Mai L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị L chưa đặt ra yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Bùi Mai L khởi kiện anh Bùi Văn L là vụ án dân sự tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” căn cứ vào giấy xác nhận thông tin về cư trú, anh

L có cư trú tại xóm Bãi Bệ I, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 02/07/2024, nguyên đơn chị Bùi Mai L có mặt, bị đơn anh Bùi Văn L vắng mặt không có lý do (*vắng mặt lần thứ nhất*) nên Hội đồng xét xử hoãn xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Mai L (*Vắng mặt có lý do*) bị đơn anh Bùi Văn L, vắng mặt không có lý do (*vắng mặt lần thứ 2*). Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Mai L và anh Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 18/05/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân giữa chị L và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của chị L cho thấy, quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống, cãi vã không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị sống ly thân đã lâu.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Mai L là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. và Điều 39 Luật dân sự.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh L có 01 (*Một*) con chung tên là Bùi Thảo V, sinh ngày 16/09/2016. Hiện cháu V đang sinh sống cùng ông bà nội, chị L thường xuyên về thăm con và gửi tiền về nuôi con. Chị L thấy khả năng kinh tế của mình đủ để chăm lo cho cuộc sống của con, anh L đi làm ăn xa ít khi về thăm gia đình nên không thể chăm lo cuộc sống cũng như việc học hành của con nên sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Bùi Thảo V, cháu Bùi Thảo V có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Chị L chưa yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Bùi Thảo V, sinh ngày 16/09/2016 cho chị Bùi Mai L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị L chưa đặt ra yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Mai L xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Mai L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Mai L được ly hôn với anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thảo V, sinh ngày 16/09/2016 cho chị Bùi Mai L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị L chưa đặt ra yêu cầu anh Cường phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Mai L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002902 ngày 28/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Thịnh